NGHĨ LẠI VỀ THỜI ĐẠI TÂY SƠN

George Dutton*

Mùa xuân năm 1773, một toán quân nhỏ gồm các nhóm dân tộc vùng cao và nông dân vùng đồng bằng từ khu vực cao nguyên An Khê, ngày nay thuộc khu vực Nam Trung Bộ của Việt Nam, đã tràn xuống tấn công thủ phủ Quy Nhơn. Chỉ huy đội quân này là Nguyễn Nhạc, vốn là một người buôn cau và làm biện lại. Sau khi chiếm thành, niềm tin của họ được củng cố bằng chính sự thành công này, nghĩa quân sớm chuyển sang các mục tiêu khác dọc miền duyên hải. Khi quân đội của Nguyễn Nhạc đi qua vùng nông thôn, tiến bước dưới một lá cờ đại màu đỏ và hò reo nhằm uy hiếp kẻ thù, quân lính của Nguyễn Nhạc đã lấy của cải của người giàu bất hợp tác và chia cho nông dân nghèo, người ta đã gọi đội quân mới này là "những tên đạo tặc chân chính và nhân từ"[1]. Chuỗi sự kiện này đã đánh dấu sự khởi đầu của một trong những thời đại có ý nghĩa nhất trong lịch sử Việt Nam, một thời đại với sự biến động chính trị-xã hội lớn lao chỉ kéo dài trong gần ba thập kỷ, song còn vang mãi cho đến thế kỷ XIX.

Các cuộc giao tranh cuối thế kỷ XVIII diễn ra trên các cánh đồng lúa và vùng biển duyên hải thuộc lãnh thổ Việt Nam, cũng như ở nhiều trung tâm quyền lực chính trị đã tồn tại hoặc sẽ xuất hiện trong suốt quá trình cuộc khởi nghĩa diễn ra. Trước khi bị đánh bại vào năm 1802, họ đã lật đổ hai dòng họ cai trị, thống nhất một vùng lãnh thổ trong một thời gian ngắn mà trước đó từ lâu lãnh thổ này là hai vương quốc được cai trị riêng biệt, chấm dứt một triều đại đã 300 năm tuổi. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Nhạc và hai người em trai - Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ - nghĩa quân cũng đã đánh bại các cuộc xâm lăng quy mô lớn từ Xiêm và Trung Hoa, thậm chí chính họ cũng tham gia các cuộc phiêu lưu quân sự ở hai vương quốc láng giềng Khơ-me và Lào. Do cuộc khởi nghĩa và các cuộc chiến đi kèm kéo dài, đội quân viễn chính Pháp, Bồ Đào Nha và Đông Nam Á đã nhảy vào cuộc và hàng trăm nghìn người đã bị chết bởi chiến tranh và nạn đói. Ngày càng nhiều người bị mất nhà cửa và ruộng vườn vì cả xã hội Việt Nam - từ tầng lớp nông dân tới giới trí thức và chính trị, các nhóm thiểu số tôn giáo và dân tộc - đều phải đối mặt với sự thực khắc nghiệt của một vương quốc hỗn loạn.

Các sử gia Việt Nam đã nghiên cứu thời kỳ Tây Sơn dưới góc độ địa lịch sử, thậm chí những lý giải về cuộc khởi nghĩa này đã tạo ra sự tranh luận đáng kể và thường là gay gắt. Quả thực, thời kỳ Tây Sơn và các sự kiện xảy ra trong thời kỳ này đóng vai trò cốt yếu trong các câu chuyện lịch sử xuất hiện trong toàn

* Đại học California Los Angeles. Mỹ.

bộ các cuốn sử chép sau đó. Vấn đề đang tranh cãi là những câu hỏi liên quan tới tính hợp pháp về chính trị, vấn đề chia cắt và thống nhất đất nước, vấn đề xung đột và đối đầu xã hội. Trong thế kỷ XIX, triều Nguyễn - người sáng lập ra vương triều này đã chống lại và cuối cùng lật đổ chế độ Tây Sơn - đã miêu tả khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nổi loạn của bọn "tặc" hay "giặc", bác bỏ bất cứ ý kiến nào cho rằng chế độ Tây Sơn là triều đại hợp pháp. Công trình viết sử này rõ ràng là nhằm hợp pháp hóa sự thống trị của nhà Nguyễn mà bản thân nó xuất hiện chủ yếu là do kết quả của thắng lợi quân sự chứ không phải là sự chuyển giao quyền lực vương triều một cách chính thức(2). Về mặt chính thức, triều đại mới có thể bảo đảm địa vị chi phối của cách lý giải này, cùng lúc đó thì truyền thuyết về Tây Sơn bắt đầu tạo ra cách giải thích lý tưởng hóa về phong trào khởi nghĩa này và người dân Bình Định đã tìm cách phục hồi những người được xem là anh hùng địa phương(3). Sau đó, vào đầu thế kỷ XX, sự suy yếu về chính trị của nhà Nguyễn do sự thống trị của thực dân Pháp đã mở ra một khoảng trống cho việc giải thích lại về thời đại Tây Sơn. Các sử gia bắt đầu lờ đi chuyện gọi Tây Sơn là "tặc" hay "giặc". Không còn chịu nhiều o ép về mặt tư tưởng của triều đình Nguyễn đã suy yếu, các học giả này cho rằng anh em nhà Tây Sơn đã giành quyền lực chính trị một cách hợp pháp(4). Dù có sự thay đổi đó nhưng những lý giải đầu thế kỷ XX đã không đề cập đến sự hỗ trợ của người dân cho phong trào Tây Sơn. Thực vậy, các tác phẩm của hai sử gia hàng đầu đầu thế kỷ XX là Phan Bội Châu và Trần Trọng Kim hầu như không nhắc gì đến "nông dân"(5). Mãi đến năm 1938, Đào Duy Anh, trong tác phẩm *Tóm lược Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, mới cho rằng sức mạnh và thắng lợi của phong trào Tây Sơn là nhờ sự tham gia của nông dân(6).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai và sau cuộc cách mạng vô sản có sự liên kết chặt chẽ với nông thôn Việt Nam, việc mô tả phong trào Tây Sơn là "khởi nghĩa nông dân" hay "phong trào nông dân" bắt đầu nổi lên trong giới học giả Việt Nam. Các học giả này nồng nhiệt miêu tả cuộc nổi dậy Tây Sơn là cuộc "*cách mạng*" hoặc trung lập hơn là "*phong trào nông dân*"(7). Cả hai lý giải này đều cho rằng tầng lớp nông dân, ít có ngoại lệ, đã ủng hộ những người lãnh đạo của phong trào Tây Sơn và chế độ của họ lập ra sau đó, và rằng nông dân đã ủng hộ mạnh mẽ lãnh đạo Tây Sơn trong giai đoạn đầu của cuộc nổi dậy và sau đó đồng lòng hợp tác với nỗ lực phi thường để thống nhất đất nước và đánh đuổi quân xâm lược - quân Xiêm vào năm 1785 và quân Trung Quốc vào năm 1789. Theo cách chép sử nói quá về Tây Sơn này, người nông dân nổi lên là những nhân vật anh hùng - ưu tú, không run sợ, quyết vì công bằng xã hội và kinh tế và vì một đất nước thống nhất không bị nước ngoài can thiệp. Nông dân thời đại Tây Sơn được miêu tả là người báo hiệu cho cuộc cách mạng được nông dân ủng hộ trong thế kỷ XX, đồng thời sự thất bại cuối cùng của họ trong việc thay đổi cấu trúc kinh tế và chính trị được xem là sự biểu thị cho những hạn chế khắc nghiệt mà thời điểm lịch sử áp đặt lên họ. Người ta cho rằng chỉ có Đảng mới vượt qua một cách cơ bản những hạn chế về mặt lý luận lâu nay đã kiềm chế khả năng sáng tạo của người nông dân.

Những miêu tả này, thường được các sử gia mác xít trong nửa cuối thế kỷ XX tuyên truyền, giờ đây chi phối các bài thuyết trình về thời Tây Sơn. Việc mô tả nông dân thế kỷ XVIII là những bầy tôi ưu tú, kiên cường và những người ủng

hộ trung thành của phong trào Tây Sơn dường như khiến họ trở thành đồng lõa của sự áp bức lên họ, bởi vì rõ ràng thời đại Tây Sơn là thời gian mà tầng lớp nông dân gặp muôn vàn khó khăn và cực nhọc. Đây cũng là thời kỳ mà ích lợi của việc nổi dậy, nếu có, ít khi lớn hơn những mất mát lớn lao mà chủ yếu là người nông dân phải chịu. Hơn nữa, người nông dân trong nhiều cách lý giải như vậy đã được gắn kết với những người lãnh đạo của họ, cho rằng động cơ của những người lãnh đạo này (bản thân những người này không phải là nông dân) theo cách nào đó đã đại diện hoặc song trùng với động cơ của người nông dân (thường là miễn cưỡng đi theo). Kết quả là tên gọi "Tây Sơn" đã được dùng để nói đến cả phong trào, người lãnh đạo lẫn người đi theo, với lợi ích được coi là song trùng hoặc chí ít phần lớn giống nhau, trong khi trên thực tế những người lãnh đạo thường không để ý đến những quan tâm của người đi theo, và những người được cho là đi theo Tây Sơn một cách miễn cưỡng hoặc vì sức ép lớn. Mặc dù một vài tác phẩm Việt Nam gần đây bắt đầu có cách nhìn nhận phê phán hơn về thời Tây Sơn, nhưng chưa có một sự xem xét lại một cách hệ thống về thời kỳ này hay cuộc nổi dậy này được xuất bản[8].

Trong phần tiếp theo, tôi muốn đề cập hai vấn đề liên quan tới dân chúng Việt Nam dưới thời Tây Sơn. Thứ nhất là những khó khăn mà họ phải chịu, đặc biệt trong việc quân dịch bắt buộc và những yêu cầu lao động khổ sai triền miên mà các thủ lĩnh Tây Sơn áp đặt. Đây chỉ là hai trong số nhiều nguồn gốc bất hạnh của người dân bên cạnh nạn tham quan, gánh nặng thuế má và các khoản đóng góp bằng hiện vật bắt buộc và nạn cướp bóc tràn lan. Vấn đề thứ hai-vấn đề đối trọng với vấn đề thứ nhất- mà tôi xem xét là việc dân chúng bị o bế thường xuyên mong chờ được các phe phái chính trị-quân sự khác giải thoát. Mục đích của tôi ở đây trước hết là phản đối cách lý giải tốt đẹp thái quá hiện hành về cuộc sống của người nông dân dưới thời Tây Sơn và thứ hai là (*problematize*) đưa ra các quan điểm thể hiện sự đối lập gay gắt giữa nhiều đối thủ chính trị của thời đại này. Tôi cho rằng trong suốt thời kỳ khó khăn này, phần lớn người dân chưa bao giờ hài lòng với các thủ lĩnh chính trị của mình và luôn luôn hy vọng rằng một thực thể chính trị khác sẽ tốt hơn thực thể đang áp bức họ lúc đó.

I. NHỮNG VẤT VẢ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN DƯỚI THỜI TÂY SƠN

1. Quân dịch

Mặc dù các thủ lĩnh Tây Sơn chỉ là những người sau cùng trong chiều dài các chế độ Việt Nam yêu cầu người dân phục vụ trong quân đội nhưng những yêu cầu về quân sự mà họ đặt ra cho dân chúng dưới quyền kiểm soát của họ cực kỳ nặng nề. Nhà Tây Sơn luôn luôn phải đối phó với kẻ thù, khi không gặp thách thức từ nhà Nguyễn, họ lại nhảy vào cuộc xung đột khác: với nhà Trịnh vào năm 1786; sau đó là một vài lần phải dập tắt âm mưu khôi phục nhà Lê ở phía Bắc; cuộc xâm lược Lào với quy mô lớn năm 1791 và cuối cùng là kế hoạch năm 1792 của Vua Quang Trung trước hết là tấn công Trung Quốc nhằm thu hồi hai tỉnh "bị mất" là Quảng Đông và Quảng Tây và sau đó tiến hành chiến dịch lớn chống nhà Nguyễn. Thêm vào đó là các đợt xung đột công khai theo chu kỳ trong nội bộ Tây Sơn, trong đó có cuộc xung đột ngắn bất ngờ nhất giữa Nguyễn

Nhạc và Nguyễn Huệ vào năm 1787, và các cuộc xung đột cuối những năm 90 của thế kỷ XVIII giữa triều đình Tây Sơn ở Phú Xuân với những tướng lĩnh phản bội ở Quy Nhơn, căn cứ cũ của Nguyễn Nhạc.

Các cuộc chiến tranh thời Tây Sơn, không chỉ mức độ thường xuyên mà quy mô của các cuộc chiến tranh báo trước điềm gở cho người nông dân sẽ bị buộc phải đi lính. Khi quy mô quân đội tăng thì số thương vong và những hệ lụy tương ứng của những cuộc chiến tranh Tây Sơn lên người dân Việt Nam, kể cả quân lính lẫn thường dân cũng tăng lên. Mặc dù con số ước tính chưa đầy đủ nhưng bằng chứng rải rác cho thấy vài trăm nghìn người đã bị giết chết ngay trên chiến trường và có thể hàng chục ngàn người đã chết do hậu quả của những yếu tố liên quan trực tiếp tới xung đột. Các báo cáo phân tán về số người chết và thương vong cho thấy tính khốc liệt của cuộc chiến mà quân Tây Sơn đã giết 1.600 lính của nhà Nguyễn vào đầu năm 1774[9]. Những thập niên kế tiếp là cuộc chiến tranh khốc liệt liên tục diễn ra giữa quân Tây Sơn và quân nhà Nguyễn, sau đó là giữa Tây Sơn với nhà Trịnh và tiếp theo là giữa Tây Sơn và quân Trung Quốc. Chỉ trong trận đánh tại Phú Xuân vào mùa hè năm 1786, khoảng 30.000 lính nhà Trịnh đã bị chết[10] và khi giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ nổ ra cuộc xung đột ngắn vào đầu năm 1787, một nhà truyền giáo ghi lại rằng Nguyễn Nhạc đã mất 40.000 quân[11]. Những con số này chỉ rõ quy mô của các cuộc chiến tranh Tây Sơn và nhu cầu liên tiếp và tương ứng tuyển lính mới nhằm bổ sung cho các lực lượng lớn và thường xuyên bị suy kiệt này.

Nguy cơ tử vong hoặc bị thương cao do những trận chiến quy mô lớn và kéo dài kết hợp với những khó khăn chung trong đời sống của quân Tây Sơn suốt những năm xung đột đã tự bộc lộ qua mức tiêu hao sinh lực cực kỳ cao. Ban đầu, quân Tây Sơn được bổ sung bằng những người tự nguyện, đặc biệt là do phong trào chỉ giới hạn ở các cuộc chiến đấu quy mô nhỏ ở những khu vực vùng cao, chủ yếu để nhằm tăng quân. Nhờ đó, đến năm 1774 quân Tây Sơn đã tăng lên hơn 25.000 quân[12]. Đây là một lực lượng đáng kể nhưng quân Tây Sơn vẫn phải đối mặt với lực lượng quân đội nhà Nguyễn lớn hơn nhiều và do vậy năm 1775, Nguyễn Nhạc, sau khi tự xưng là Hoàng đế, đã bổ đầu chỉ tiêu quân dịch cho các xóm làng dưới quyền cai trị của mình. Một phần năm đàn ông của mỗi làng phải tham gia quân dịch[13]. Điều này cho thấy ngay từ thời gian đầu, đội quân Tây Sơn không còn được bổ sung từ những người tình nguyện hăng hái mà là tăng lên bởi lính nghĩa vụ bất đắc dĩ. Một mặt, điều này không khác nhiều với cách thức mà nhà Nguyễn áp đặt nghĩa vụ quân sự đối với dân chúng dưới sự cai trị của mình. Tuy nhiên, mặt khác cũng có một sự khác biệt quan trọng: những người bị buộc phải tham gia quân Tây Sơn thường cảm thấy hầu như lúc nào cũng phải đối mặt với chiến tranh liên tiếp với mức độ ác liệt khác nhau từ giữa những năm 1770 đến những năm đầu của thế kỷ XIX.

Do những khó khăn này mà không ngạc nhiên khi nhiều người bị buộc phải tham gia quân Tây Sơn đã tìm cách rời xa đội quân này càng nhanh càng tốt, thoát khỏi những điều kiện tồi tệ như thiếu lương thực, bị đối xử tàn bạo dưới tay những chỉ huy của mình và sự khó khăn của các cuộc hành quân cấp tốc chống quân địch. Trước việc chống đối phục vụ quân đội thường thấy và sự suy giảm số quân

tình nguyện, các tướng lĩnh quân sự Tây Sơn đi đến áp dụng các biện pháp cưỡng bức nhằm đảm bảo duy trì số quân và thường xuyên sử dụng các hành động tàn ác khi tiếp xúc với người dân và quan lại địa phương. Theo nhiều mô tả, Tây Sơn buộc người dân phải tham gia quân đội của mình một cách nhanh chóng và cũng nhanh chóng trừng trị những ai từ chối tham gia. Sự áp bức binh lính hoặc những người sẽ làm lính bằng đe dọa hoặc dọa dẫm đã được nhà Nguyễn áp dụng vào thế kỷ XVII, sự tàn bạo liên quan tới quân đội vốn là một phần của nền văn hóa quân sự hóa của vương triều phía Nam trước khi Tây Sơn nổi lên[14]. Sự đổi mới của nhà Tây Sơn, nếu như có thể gọi như vậy, có lẽ là tăng mức độ và qui mô tàn bạo nhằm hăm dọa người dân tham gia theo nhu cầu của họ.

2. Lao dịch

Quân dịch không chỉ là gánh nặng duy nhất mà Tây Sơn áp đặt lên người dân nằm dưới sự cai trị của mình. Những người dân này cũng phải chịu những yêu cầu lao động khổ sai gần như liên tục, một nghĩa vụ nặng nề và kéo dài khác đe dọa kế sinh nhai của người nông dân và khiến họ rời xa cánh đồng của mình. Cũng như chúa Nguyễn và chúa Trịnh trước đó và triều Nguyễn sau này, Tây Sơn phải dựa vào lao động cưỡng bức của người dân dưới quyền để thực hiện các dự án lớn cũng như bình thường. Trong giai đoạn xảy ra nhiều cuộc chiến tranh và bị tàn phá như cuối thế kỷ XVIII thì chắc chắn phải cần sức đóng góp lao động to lớn nhằm phục vụ cho các chiến dịch quân sự đang diễn ra và xây dựng, tái thiết các loại cơ sở hạ tầng bị chiến tranh tàn phá. Mặc dù một số lao dịch dưới chế độ Tây Sơn có thể được cho là có lợi cho người dân địa phương - như đắp đê hoặc sửa chữa đường sá - nhưng nhiều dự án khác đem lại rất ít hoặc không có lợi ích cụ thể nào cho những người bị buộc phải tham gia.

Nhu cầu cần lao động khổ sai bộc lộ rất sớm trong cuộc đấu tranh của phong trào Tây Sơn và rất có thể cách tiếp cận huỷ diệt về chiến tranh của Tây Sơn - như đốt cháy những cái có thể được coi là công trình hữu ích - là nguyên nhân lớn dẫn đến nhu cầu lao dịch vô độ. Chẳng hạn, khi đánh chiếm thành Quy Nhơn năm 1773, nghĩa quân đã nhanh chóng đốt cháy dinh thự của Tổng đốc. Ít lâu sau đó, "họ đốt dinh thự của Tuần vũ Quảng Ngãi và xây một dinh thự mới"[15]. Sau đó khi tiến ra Đàng Ngoài, họ cũng phá hủy nhiều công trình của chính quyền[16]. Rõ ràng rằng, dù là các dinh thự bị đốt cháy hay bị đập tan thành từng mảnh, thì những hành động đó phản ánh tính thất thường của người nắm quyền hay kẻ đấu tranh giành quyền lực và cuối cùng chính người dân phải gánh chịu trách nhiệm khôi phục lại những gì bị phá hủy.

Cùng với việc bị bắt đi xây dựng lại những công trình bị chiến tranh tàn phá, dân chúng cũng bị triệu tập để giúp xây dựng các trung tâm chính trị mới của các thủ lĩnh Tây Sơn. Vào năm 1775, Nguyễn Nhạc đã dựa vào lao động địa phương để xây dựng thành lũy của mình ở Chà Bàn, nơi ông ta biến thành kinh đô vào năm 1776 và là nơi ông lên ngôi hoàng đế năm 1778[17]. Theo sau cuộc "Bắc phạt" của Tây Sơn năm 1786, Nguyễn Huệ đã bắt người dân ở đó đi phục dịch, đã gây sự oán giận đối với sự cai trị của Tây Sơn ở vùng này. Sau

khi quân của ông chiếm được thành Phú Xuân từ tay nhà Trịnh, Nguyễn Huệ đã vây bắt lao phu và buộc họ phải làm việc cả ngày lẫn đêm nhằm xây dựng lại các công sự của thành, nơi mà ông cố thủ từ năm 1786[18]. Một vài năm sau, Nguyễn Huệ, lúc này là Hoàng đế Quang Trung đã dùng lao động khổ sai để bước đầu xây dựng cái mà ông hình dung sẽ là kinh đô mới ở Nghệ An. Nằm giữa Phú Xuân và Thăng Long, kinh đô mới - Phượng Hoàng Trung Đô - dự định được xây dựng với quy mô đồ sộ. Một bản ghi chép gần thời đó ghi lại rằng dư luận chung là phản đối công trình đó bởi vì nhiều người đã bỏ việc và chạy trốn[19].

Những yêu cầu về lao động liên tục dưới thời Tây Sơn có lẽ hơi nặng nề hơn so với các triều trước hoặc cùng thời vì chế độ mới đã bắt gần như mọi thành phần của xã hội Việt Nam thực hiện đòi hỏi đó. Những nghĩa vụ này thường xuyên không loại trừ những người theo thông lệ được miễn như phụ nữ, trẻ em, người già và thậm chí cả nhà sư. (Thực vậy, nhóm duy nhất được miễn nghĩa vụ lao động là sản phụ)[20]. Vì thế, chẳng hạn các thủ lĩnh Tây Sơn - những người rất ít coi trọng đạo Phật - không hề cảm thấy băn khoăn khi xem xét sử dụng các ngôi chùa vào việc thích hợp. Họ thường xuyên buộc các nhà sư rời khỏi chùa (rất nhiều ngôi chùa trong số đó bị quân Tây Sơn cướp phá) và trở thành phu khuân vác hoặc thậm chí là lính trong nghĩa quân[21]. Lao động cưỡng bức vì vậy luôn là cội nguồn gây bất mãn trong công chúng và góp phần to lớn vào việc người dân xa rời những người được coi là người giải phóng cho họ.

II. MONG CHỜ CỨU GIÚP

Trong bối cảnh những khó khăn to lớn đó, người nông dân Việt Nam mong ngóng xung quanh chờ cứu giúp. Dường như hy vọng thường trực của nhiều người chịu áp bức là họ có thể được một lực lượng chính trị-quân sự khác cứu thoát khỏi cảnh khổ cực. Thực vậy, theo cách nhìn của người nông dân, "lực lượng khác"- tức là lực lượng không áp bức họ vào lúc này - có thể luôn được mong mỏi đến giúp đỡ, tuy nhiên thực tế cho thấy đó chỉ là sự viển vông. Tư tưởng mong chờ được giải phóng của người dân phát triển sớm trong thời kỳ Tây Sơn, bắt đầu từ lúc nhà Trịnh chiếm đất của nhà Nguyễn năm 1774 và kéo dài suốt thời đại này. Do vậy, như lời của Lê Quý Đôn trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*: "Dân chúng vùng Quảng Nam vào thời gian đó trải qua nhiều vất vả. Họ đều mong đợi quân của nhà vua [tức nhà Lê/Trịnh] đến đó...để giải cứu cho họ"[22]. Tất nhiên điều này là cách giải thích hợp lý hóa sự xâm lược của nhà Trịnh giống như là một dạng phản ánh hiện thực, nhưng có thể có một số sự thật trong quan điểm cho rằng người dân địa phương mong mỏi cải thiện đời sống khó khăn của họ. Tuy nhiên, ngay sau đó, dân chúng ở vùng thượng Đàng Trong cảm thấy bị chà đạp dưới chế độ nhà Trịnh và hy vọng được giải cứu, nhưng lần này là để thoát khỏi những người mang tiếng đã từng cứu họ[23]. Do vậy, cuối tháng 6 năm 1786 khi quân Tây Sơn, chứ không phải là nhà Nguyễn như mong đợi, cuối cùng chiếm được vùng đất mà nhà Trịnh xâm chiếm của nhà Nguyễn thì nhân dân sẵn lòng chào đón Tây Sơn như những người giải phóng và trả thù nhà Trịnh. Khi quân Trịnh chạy khỏi Phú Xuân do cuộc tấn công của

nghĩa quân, người dân địa phương đã bắt giữ những kẻ trước đây hà hiếp mình và đem nộp chúng cho quân Tây Sơn hoặc tự tay giết chúng[24].

Khi quân Tây Sơn mở rộng cuộc tấn công ra Bắc hướng tới Thăng Long sau mùa hè đó [1786], họ chủ trương gợi nhớ về chế độ nhà Lê - giống chiến lược mà lãnh đạo của một số cuộc chính biến ở Đàng Ngoài đã sử dụng vào giữa thế kỷ XVIII. Việc nhấn mạnh vào việc khôi phục sức mạnh và quyền lực của nhà Lê trong mỗi trường hợp thể hiện ý đồ tạo ra mối liên hệ với hồi ức chính trị mà trong sự tưởng tượng của người dân lại đi liền với sự bảo đảm chính trị, thậm chí cả khi gia đình Hoàng tộc này giờ đây chỉ là cái bóng của mình trước đây. Những gì dân chúng ủng hộ không phải nhà Lê của thế kỷ XVIII mà là nhà Lê ở thế kỷ XV được lý tưởng hóa. Tuy nhiên, sự phục tùng ban đầu đối với sự cai trị của Tây Sơn ở Đàng Ngoài đã nhanh chóng chuyển thành sự oán giận và bất bình ngày càng tăng. Mặc dù lúc đầu quân Tây Sơn có thái độ giữ gìn đáng kể đối với người dân miền Bắc[25], nhưng trên đường rút đi, tình trạng cướp bóc và đối xử tàn tệ với người dân địa phương diễn ra tràn lan. Điều này có lẽ là sự khởi đầu của việc chấm dứt giai đoạn ngắn ngủi quân Tây Sơn được quý mến ở phía Bắc và vào đầu năm 1788, dân chúng Đàng Ngoài bắt đầu thể hiện sự căm ghét đối với những vị quan mới Tây Sơn và mong muốn được thoát khỏi họ[26].

Do bất mãn đối với sự cai trị của nhà Tây Sơn ngày càng tăng, nên những người Việt Nam sống ở vùng thượng Đàng Trong và ở Đàng Ngoài càng ngày càng hướng về phía Nam và hướng đến sức mạnh đang lớn lên của quân nhà Nguyễn để giải thoát cho mình. Sử nhà Nguyễn năm 1791 ghi lại rằng (cho dù khó có thể tránh sự thành kiến) "dân chúng Thuận [Hóa] và Quảng [Nam] từ lâu thù ghét chính sách tàn ác của nhà Tây Sơn, (và) họ mong chờ quân của nhà vua từng ngày. Vì vậy mỗi khi họ cảm thấy ngọn gió ở phía nam thổi tới, họ đều nói rằng "Cựu hoàng của chúng ta đang đến"[27]. Bức thư của nhà truyền giáo năm 1792 cũng đề cập tương tự đến "nhà vua của vùng hạ Nam Bộ - người mà toàn bộ người dân Bắc Hà rất nóng lòng mong đợi"[28]. Do sự kiểm soát chặt chẽ tại ranh giới giữa những vùng do Tây Sơn kiểm soát và những vùng do nhà Nguyễn chiếm giữ nên những người này không có thông tin gì về bản chất thực sự của chế độ nhà Nguyễn ở Gia Định, tuy nhiên họ vẫn hy vọng rằng nhà Nguyễn có thể sẽ là một phương thức cứu giúp, giống như trước đó họ đã đặt hy vọng vào quân Tây Sơn-lực lượng mà họ được biết rất ít. Quả thực, có thể việc lý tưởng hóa cuộc sống dưới sự cai trị của nhà Nguyễn đã bắt đầu diễn ra ở những vùng mà các chúa Nguyễn từng cai quản và cũng chính việc lý tưởng hóa này kết hợp với những vất vả trong cuộc sống dưới nhà Tây Sơn đã tạo ra trí tưởng tượng của dân chúng.

Trớ trêu thay, trong lúc người dân ở Đàng Ngoài ngày càng hy vọng nhà Nguyễn sẽ sớm giải thoát họ khỏi nhà Tây Sơn thì những người sống dưới sự cai quản của nhà Nguyễn ở vùng viễn nam lại hy vọng được thoát khỏi nhà Nguyễn. Ngay cả Pigneau de Behaine, người châu Âu ủng hộ Nguyễn Ánh tích cực nhất, cũng miêu tả sự nổi lên của thái độ phổ biến này vào năm 1791, đề cập đến tình hình ngày càng trở nên không thể chịu đựng nổi của cuộc sống của người Việt Nam dưới sự cai trị của nhà Nguyễn[29]. Hai năm sau đó, tình hình đời sống

của người dân dưới sự thống trị của nhà Nguyễn dường như không được cải thiện như mô tả của một nhà truyền giáo người Pháp rằng "Hai năm vừa qua, mọi người bị bắt đi lao dịch và [dân chúng] không nghĩ tới gì khác ngoài việc tìm cách bảo vệ mạng sống, sự khổ sở đã lên đến cùng cực"(30). Sự bất bình phổ biến đối với nhà Nguyễn tiếp tục diễn ra cho tới cuối những năm 1790 song song với suy nghĩ cho rằng nhà Tây Sơn là một sự thay thế thích hợp(31). Rõ ràng rằng, những yêu cầu của nhà Nguyễn, giống như của nhà Tây Sơn, đã khiến cho quảng đại dân chúng xa lánh và khiến họ mơ ước được giải thoát bằng bất cứ sự thay đổi chính trị nào.

Khi người nông dân Đàng Ngoài cuối cùng đạt nguyện vọng là được quân nhà Nguyễn giải thoát khỏi Tây Sơn vào năm 1802 thì họ nhanh chóng phát hiện ra rằng ước mơ của họ chỉ là ảo tưởng. Thậm chí trước khi chiếm Thăng Long vào tháng 7 năm 1802, đội quân nhà Nguyễn tiêu diệt quân Tây Sơn đã bắt đầu gây khó khăn cho người dân ở Đàng Ngoài, làm cho người ta nghi ngờ địa vị cứu tinh của quân Nguyễn. Theo lời kể lại, trong các chiến dịch ở phía Bắc, quân Nguyễn đã bắt người dân phải đóng góp nhiều khoản khác nhau, không chỉ những thứ thiết thực như ngựa và yên ngựa mà còn các loại vũ khí cầu kỳ. Nhà truyền giáo Piere-Jacques Bisachere ghi: "Đây chính là khởi đầu của sự bất mãn đối với chính quyền mới"(32). Chỉ một vài năm sau bản ghi chép trên, Bissachere viết: "Thái tử [Ánh] bị dân chúng rất căm ghét, đặc biệt kể từ khi ông ta tự phong làm Hoàng đế do ông ta ra lệnh lao động cực kỳ khổ sai nhằm xây dựng thành trì và các đô thành"(33). Ông kết luận bằng tóm tắt tình hình: "Người dân Bắc Hà kêu gọi đương kim Hoàng thượng giúp đỡ họ tiêu diệt nhà Tây Sơn nhưng bây giờ khi ông ta đã cai trị họ được sáu năm thì họ lại nguyền rủa ông ta vì ông bắt họ phải lao động khổ sai gấp hai lần dưới thời Tây Sơn; trái tim họ đã sẵn sàng nổi dậy nhưng họ không còn sức lực (để làm điều đó) và họ thiếu những thủ lĩnh có khả năng kích động họ hành động"(34).

Nói chung, bằng chứng hiện hữu đó cho thấy cuộc sống không thực sự tốt lên hay tồi tệ hơn dưới bất cứ lực lượng chính trị-quân sự cụ thể nào trong thời đại Tây Sơn. Mỗi bên đều đặt ra rất nhiều yêu cầu đối với người dân dưới quyền cai quản của mình để phục vụ cho việc tái thiết, củng cố, khai thác tài nguyên và các kế hoạch quân sự. Với dân chúng, bên kia, dù là lực lượng nào, đều tạo ra khả năng cứu giúp họ. Thực vậy, có điều dường như rõ ràng là người dân chưa bao giờ hoàn toàn toại nguyện trong thời kỳ này. Họ luôn luôn có chung hy vọng rằng người trị vì kế tiếp hoặc một người trị vì khác sẽ tốt hơn và có thể ít đòi hỏi họ hơn. Như những sự kiện dưới thời Tây Sơn đã cho thấy rõ, sự cứu giúp mà người dân trông chờ đã không bao giờ đến, ngay cả khi một lực lượng chính trị hay quân sự khác đã lên nắm quyền. Những người dân từng nằm dưới sự thống trị của nhà Trịnh và sau đó được nhà Tây Sơn giải thoát đã sớm hy vọng nhà Nguyễn cứu giúp. Những người ở vùng viễn nam được các lực lượng nhà Nguyễn giải phóng khỏi nhà Tây Sơn lại nhanh chóng mong muốn quay lại với những lãnh đạo chính trị trước đó của mình. Còn những người dân dưới sự cai trị của nhà Trịnh, những người đầu tiên được quân Tây Sơn giải phóng và sau đó lại được nhà Nguyễn giải phóng, cũng lại sớm trông mong thoát khỏi ách cai trị của nhà Nguyễn. Rõ ràng rằng những yêu cầu của quốc gia trong giai đoạn

chiến tranh và tái thiết là rất cao, và không bên nào có thể đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhằm đem lại bình yên cho dân chúng.

II. KẾT LUẬN

Bài viết này mới chỉ xét đến bề ngoài của mối quan hệ phức tạp giữa người nông dân và lãnh đạo phong trào Tây Sơn. Tuy nhiên, điều mà tôi mong làm là chỉ ra rằng những mô tả phổ biến về chế độ Tây Sơn thường là quá tốt đẹp khi đánh giá bản chất của sự cai trị của nhà Tây Sơn. Việc miêu tả quá dễ dãi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là "phong trào nông dân" đã che giấu mối quan hệ phức tạp hơn nhiều giữa các thủ lĩnh phong trào và những người mà họ tìm cách đưa vào quân đội của mình và nằm dưới quyền lực chính trị của họ. Người ta không thể cho rằng lợi ích của các thủ lĩnh phong trào này cũng giống như của đại bộ phận người nông dân, vì vậy cách lý giải đánh đồng anh em nhà Tây Sơn với phong trào làm một là cực kỳ sai lạc. Có những trường hợp đáng chú ý mà người dân đã hợp tác và hăng hái tham gia vào phong trào Tây Sơn và một số mục tiêu của nó, nhưng những trường hợp người dân đấu tranh chống lại những đòi hỏi của chính quyền mới này lại lớn hơn nhiều. Cũng cần phải nhận thấy rằng những hành động phản kháng hoặc bất tuân lệnh không nên được coi như là thể hiện mối ác cảm đặc biệt nào đối với nhà Tây Sơn. Thay vào đó, nên xem chúng là những hành động phản kháng lại bất cứ sự tăng cường áp đặt từ các thế lực nhà nước, bất kể nguồn gốc hay yêu sách của thế lực đó. Cần phải hiểu sự ca ngợi nhà Tây Sơn xuất hiện trong trí tưởng tượng của người dân thế kỷ XIX trong bối cảnh như vậy. Sự thay đổi này trong quan điểm của người dân về phong trào và chế độ Tây Sơn là kết quả của sự ác cảm đối với nhà Nguyễn, cũng như của ký ức chung có thật về nhà Tây Sơn. Tất nhiên sự luyến tiếc về thời kỳ tốt đẹp hơn cũng phổ biến trong nhiều xã hội. Điểm chính ở đây là chúng ta cần phải hiểu rõ sự luyến tiếc này và lý do dẫn đến sự luyến tiếc đó. Tôi tin rằng những sử gia Việt Nam thế kỷ XX dựa nhiều vào lối truyền miệng và các truyền thống dân gian khác về nhà Tây Sơn sẽ xem xét nhiều đến kiểu hoài cổ này.

CHÚ THÍCH

1. P.Lozenzo Perez, "Khởi nghĩa và cuộc chiến đấu của nghĩa quân Tây Sơn", theo cuốn "Những thầy tu Tây Ban Nha dòng Cơ đốc giáo Francis ở Nam Bộ" do M.Villa dịch. *Bản tin nghiên cứu xã hội Đông Dương*, XII, số 3-4 (1940), trang 74; quân Tây Sơn được biết với tên gọi "đội quân hò reo" bởi chiến thuật này.
2. Xem Philippe Langlet, *Bộ sử ký cổ của nước Việt Nam: tập 1, Lý do tồn tại, điều kiện soạn thảo và chữ viết thời Nguyễn*. (Paris: Trường Viễn đông Pháp, 1990), tr. 15.
3. Xem trong Nguyễn Bá Huân *Tây Sơn Văn Thần Liệt Truyện* (Qui Nhơn: Ty Văn hóa và thông tin Nghĩa Bình, 1979) và *Cân Quắc anh hùng truyện*.
4. Xem trong lời giới thiệu năm 1905 của Thien Dinh đến Đặng Xuân Bảng. *Việt sử cương mục toát yếu* Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội 2000, tr. 9; Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử lược*, Sài Gòn: Bộ Giáo dục năm 1971, tập 2, tr. 127-128.
5. Xem trong Kim, *Việt Nam sử lược*, tập 2, tr. 129; Phan Bội Châu, *Việt Nam vong quốc sử* (Houston: Xuân Thu, 1969?), tr. 23.
6. Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn hóa sử cương*, Huế, 1938; tái in Houston, TX: Nhà xuất bản Xuân Thu, tr. 321.

7. Văn Tân, *Cách mạng Tây Sơn*. Hà Nội: NXB Văn Sử Địa 1957; Trần Huy Liệu: Đánh giá cuộc cách mạng Tây Sơn và Vai trò lịch sử của Nguyễn Huệ. *Văn Sử Địa* 14 (tháng 2/56), tr. 30-34.
8. Xem Trần Thị Vinh: "Tìm hiểu về tổ chức nhà nước thời Tây Sơn", *Nghiên cứu lịch sử 1* (1989), tr. 42-47.
9. Perez "Cuộc khởi nghĩa", tr. 78.
10. Maurice Durand, *Tây Sơn*, bản đánh máy không xuất bản, Khu viết tay, Thư viện Đại học Yale, New Haven, CT, 9. Xem trong Đỗ Bang "Tình hình đấu tranh giai cấp ở Thuận Hóa thế kỷ XVIII", *Nghiên cứu Lịch sử*, 3 (216), 1981, tr. 43.
11. Jean-André Doussain to?, ngày 8-7-1787. MEP 746, 205. Hồ sơ lưu trữ.MEP, Paris. Không rõ bao nhiêu người trong số đó bị chết hoặc bị thương và số lính thường trong quân của Nhạc chiếm bao nhiêu phần trăm.
12. Perev, "Cuộc khởi nghĩa", tr. 78.
13. *Nguyễn Thị Tây Sơn ký* (Bản ghi chép về nhà Tây Sơn của Nguyễn Cần) số A.3138, Viện Hán Nôm, Hà Nội, 5a; Bản DNTL sau này ghi con số đó là một trên 7, DNTL (2001), tr. 512.
14. Li Tana. *Nam Bộ thời Nguyễn: Miền Nam Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*. (Ithaca, NY.: Chương trình Đông Nam Á Đại học Cornel, 1998), tr. 39.
15. Perez, "Cuộc khởi nghĩa", tr. 76
16. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Đào Duy Anh, người dịch Pham Trong Diem (Hue, NXB THuận Hóa, 1996), tr. 271, viết Cung điện nhà Trịnh ở Thanh Hóa bị quân Tây Sơn phá hủy hoàn toàn.
17. Bùi Dương Lịch. *Lê Quý dật sử*, dịch Pham Van Tham (Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1987), tr. 35.
18. "Trích thư của Giám mục Veron ngày 23 tháng 7, 88" MEP 306, tr. 1008
19. Sách đã dẫn, tr. 90
20. Guerarrd to? *14 tháng 5 năm 1792* trong *Các bài truyền đạo mới của các tổ chức truyền giáo ở Trung Quốc và miền Đông Ấn Độ* (Paris: CHez Ad.Le Clere, 1821-1825), tập 7, trang 141-143; La Mothe to Blandin, ngày 28 tháng 5 năm 1790, MEP 692, trang 216; Philippe Serard to de Chaumont, 23/6/1786. MEP 692, tr. 495.
21. Jean LaBartette to Pierre-Antoine Blandin, 23-6-1786. MEP 746, tr. 177-178.
22. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục* (Sài Gòn: Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1972), tập 1, tr. 134.
23. Philippe Serard to Jean Steiner ngày 3-5-1779. MEP 700, tr. 935. Jean Labartette to Pierre-Antoine Blandin, 23-6-1786.MEP 745, trang 176; xem trong Jacques-Benjamin Longer to Pierre-Antaine Blandin, ngày 26-7-1786 vời một bản tái bút ghi ngày 3-5-1787 ở Cadiere "Documents Relatifs", tr. 16.
24. Jean-Andre Doussain to Pierre-Antoine Blandin, 25-7-1788, sách đã dẫn; Ta Quang Phat, *Nhà Tây Sơn*, 18a.
25. Xem trong *Sử ký Đại Nam Việt quốc triều* (Sài Gòn: Nhóm Nghiên cứu Sử Địa Việt Nam Xuất Bản năm 1973) đã miêu tả quân Tây Sơn cướp bóc và đốt nhà bừa bãi và ghi lại rằng hai tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề nhất là Thanh Hóa và Nghệ An.
26. "Trích thư của Giám mục Veren ngày 23-7-1788" MEP 306, tr. 1007; Philippe Serard to Jean-Jacques Descouvrieres, ngày 2-5-1791.MEP 692, tr. 279.
27. DNTL (2001), tr. 282. Ngọn gió đang thổi chỉ sự thay đổi của luồng gió mùa sẽ giúp nhà Nguyễn nhanh chóng "Bắc tiến" đến các vùng đất do nhà Tây Sơn chiếm.
28. Philippe Serard to Claude-Francois L'Etondal ngày 4 tháng 5 năm 1792. MEP 700, tr. 1488.
29. Pigneau de Behaine to?, ngày 14 tháng 9 năm 1791. MEP 801, tr. 417.

Pierre Lavoue to Pierre-Antoine Blandin, ngày 1 tháng 8 năm 1793. MEP 746, tr. 432.

30. Pierre Lavoue to?, ngày 27 tháng 4 năm 1795. MEP 801, tr. 573; *Đại Nam thực lục* (2001), tr. 332
31. Charles B.Maybon, *Chuyện kể về Bắc bộ và Nam bộ của de la Bissachère*. Paris, 1920, tr. 115.
32. Sách đã dẫn, tr. 127.
33. Sách đã dẫn, tr. 156.